TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 195/2020/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 307/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã b, huyện m, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: 1/ Chị Nguyễn Thị M sinh năm 1983

2/ Anh Lê Văn S, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã H, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bị đơn anh S: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: ấp H, xã G, huyện A, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 22/12/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn S có nghĩa vụ trả bà Lê Thị T số tiền hụi còn nợ tính đến ngày 23/12/2020 là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2.Về án phí dân sự sơ thẩm: là 2.825.000đ (hai triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng), nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn chị Nguyễn Thị M, anh Lê Văn S mỗi bên nộp ½ án phí, cụ thể:

Bà Lê Thị T nộp 1.412.500đ (một triệu bốn trăm mươi hai ngàn năm trăm đồng), nhưng bà T là thân nhân liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn S nộp 1.412.500đ (một triệu bốn trăm mươi hai ngàn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện O;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong